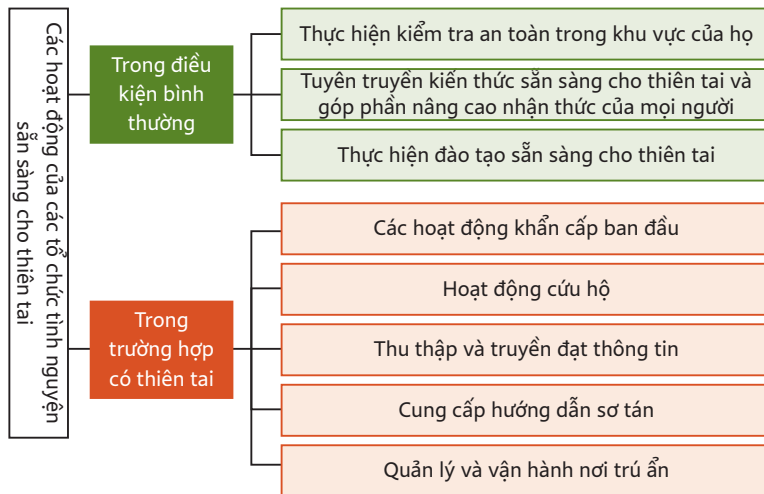


## Thông tin chung

# Hoạt động sẵn sàng cho thiên tai tại khu vực của bạn

## Các tổ chức tình nguyện sẵn sàng cho thiên tai ở Thành phố Hirakata

Các tổ chức tình nguyện sẵn sàng cho thiên tai đã được thành lập ở tất cả 45 trường tiểu học của Thành phố Hirakata. Các nhóm này tiến hành đào tạo về cách sử dụng bình chữa cháy, hô hấp nhân tạo và hồi sức tim phổi (CPR), và sử dụng AED. Họ cũng thực hành các nhiệm vụ như tiếp nhận những người sơ tán đến nơi trú ẩn, tổ chức các tuyến đường sơ tán, thiết lập các khu vực cho những người thể trạng kém, và lắp ráp giường và vách ngăn bằng bìa cứng để chuẩn bị vận hành các nơi trú ẩn phù hợp với các biện pháp chống lây nhiễm.



Các hoạt động được thực hiện trong cuộc sống hàng ngày để chuẩn bị cho một trận thiên tai quy mô lớn thông qua kiểm tra an toàn đối với các mối nguy hiểm trong khu vực và nơi cư trú và các loại đào tạo sẵn sàng cho thiên tai

Các hoạt động cần thiết để bảo vệ tính mạng và ngăn chặn thiên tai lan rộng trong trường hợp xảy ra thiên tai quy mô lớn

Nguồn: Sổ Tay Hướng Dẫn Hoạt Động Của Tổ Chức Tình Nguyện Sẵn Sàng Cho Thiên Tai (Thành phố Hirakata)

## HUG (trò chơi vận hành nơi trú ẩn)

Đào tạo sẵn sàng cho thiên tai ở Thành phố Hirakata kết hợp trò chơi vận hành nơi trú ẩn được gọi là HUG. HUG cho phép người tham gia trải nghiệm các sự kiện tại nơi trú ẩn và cách sắp xếp với những người sơ tán dưới dạng trò chơi.

Cái tên này xuất phát từ những từ tiếng Nhật có nghĩa là “nơi trú ẩn” (*hinanjo*), “vận hành” (*un'ei*), và “trò chơi” (*gemu*). Nó cũng có nghĩa là “ôm” trong tiếng Anh, gợi lên hình ảnh về những nơi trú ẩn như những nơi đang rộng vòng tay chào đón đối với những người sơ tán.

Những người tham gia đặt thẻ có thông tin về người sơ tán (tuổi, giới tính, thành phần gia đình, bệnh tật, v.v.) lên tờ giấy đại diện cho một nhà thể chất hoặc lớp học được dùng làm nơi trú ẩn. Họ cũng ứng phó với một loạt các sự kiện xảy ra tại các nơi trú ẩn, bao gồm xác định các vị trí nhà vệ sinh và phân phối thực phẩm và giải quyết các yêu cầu của các phương tiện truyền thông.



## Thông tin chung

# Giúp đỡ người khác trong thiên tai và hỗ trợ sơ cứu

**Trong những thiên tai trong quá khứ, nhiều sinh mạng đã được cứu sống nhờ sự hợp tác của người dân**

Nâng cao nhận thức về sự cần thiết của việc hợp tác giữa các người dân để tạo ra một cộng đồng lành mạnh đồng thời bảo vệ khu vực khỏi thiên tai. Cân nhắc tham gia các hoạt động do hiệp hội khu phố của bạn tổ chức để giúp tạo ra một tương lai tươi sáng hơn cho cả khu vực.

Và hãy hợp tác với hàng xóm để đảm bảo mọi người có thể sơ tán an toàn bằng cách giúp đỡ những người cần được quan tâm và hỗ trợ đặc biệt.

### Người cao tuổi và người bị thương hoặc bị bệnh

Hợp tác với những người khác để giúp những người như vậy và cộng họ trên lưng trong trường hợp khẩn cấp.



### Người khiếm thính

Cử động miệng và phát âm rõ ràng. Truyền đạt thông tin chính xác bằng cử chỉ hoặc bằng cách viết ra.



### Những người nước ngoài

Sử dụng cử chỉ để giao tiếp và giúp họ tránh cảm giác bị cô lập và đơn độc.



### Người khiếm thị

Chạm nhẹ vào khuỷu tay đối diện với tay đang cầm gậy của họ, hoặc đưa cánh tay hoặc vai của bạn cho họ nắm và đi chậm về phía trước nửa bước đồng thời mô tả bất kỳ vật cản nào phía trước như cầu thang.



### Những người sử dụng xe lăn

Hợp tác với ít nhất một người khác để giúp những người ngồi xe lăn lên xuống cầu thang. Hướng xe lăn về phía trước khi lên cầu thang và hướng ngược lại khi đi xuống.

Nếu bạn chỉ có một mình, hãy sử dụng đệm hoặc các phương tiện khác để đưa người đó đến nơi an toàn.

## Sơ cứu

Ghi nhớ cách sơ cứu các vết thương điển hình.

### Chảy máu



Sử dụng găng tay nhựa hoặc găng tay khác để tránh lây lan bệnh truyền nhiễm, tạo áp lực lên vết thương bằng một miếng gạc sạch hoặc khăn tay để cầm máu. Giữ vết thương cao hơn tim nếu có thể.

### Bị bỏng



Làm mát vết bỏng càng sớm càng tốt bằng vòi nước chảy. Nếu nạn nhân đang mặc quần áo, hãy làm mát vết bỏng từ bên ngoài quần áo.

### Gãy xương



Dùng bộ nẹp (hoặc một miếng gỗ hoặc chiếc ô để thay thế) để cố định chỗ bị gãy cùng với các khớp trên và khớp dưới vết gãy.

### CPR (Hồi sức tim phổi)



Ấn vào xương ức của nạn nhân. (Lực: Nén khoảng 5 cm đối với người lớn hoặc khoảng 1/3 độ dày của lồng ngực đối với trẻ em.) (Tốc độ: Theo nhịp điệu không ngắt quãng từ 100 đến 120 lần nén mỗi phút.)

### AED (Máy khử rung tim tự động bên ngoài)



Nhấn nút nguồn để bắt đầu hướng dẫn bằng âm thanh (một số kiểu máy tự động bật khi mở nắp).

Làm theo hướng dẫn để dán các miếng đệm vào bên phải của ngực và bên trái của bụng để bắt đầu phân tích điện tâm đồ của nạn nhân. Kiểm tra rằng không có ai đang chạm vào nạn nhân và nhấn nút "shock" để tiếp thêm năng lượng cho các miếng đệm.

# Cách kiểm tra sự an toàn của người khác

Trong trường hợp có động đất hoặc thiên tai khác, thường rất khó liên lạc với các khu vực bị ảnh hưởng bằng điện thoại. Bạn nên tìm cách khác để kiểm tra sự an toàn của các thành viên trong gia đình và bạn bè.



## Tổng đài tin nhắn thiên tai “171”

Ghi âm một tin nhắn

Phát một tin nhắn

Gọi **1 7 1**

Lắng nghe hướng dẫn.

**1** Để ghi âm

**2** Để nghe lại

Nhập số điện thoại ở khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bắt đầu bằng mã thành phố (mã vùng).

Ví dụ: **x x x x x x x x x x**

**1** Ghi âm

**2** Phát

**9** Thoát ra

**8** Ghi lại **9** Tin nhắn khác/ Thoát ra

## Bảng tin nhắn thiên tai “web171”

Ghi một tin nhắn

Đọc một tin nhắn

Truy cập <https://www.web171.jp/>

Nhập số điện thoại muốn dùng để ghi lại hoặc kiểm tra tin nhắn.

Ví dụ: **x x x x x x x x x x**

Chọn **Post**

Chọn **Read**

Nhập tên, tình trạng sức khỏe (đã biết/chưa biết) và nội dung tin nhắn.

Chọn **Post**

**Xem lại tin nhắn.**

Có thể tiếp tục ghi tin nhắn sau khi xem lại tin nhắn hiện tại.

Chuẩn bị cho các trường hợp khẩn cấp

## Hãy sử dụng số “171” và trang “web171”

### Ngày trải nghiệm

Hàng tháng

Ngày 1 và ngày 15 hàng tháng  
Từ 0:00 đến 24:00

Tuần Lễ Sẵn Sàng Cho  
Thiên Tai

9:00 ngày 30 tháng 8 đến  
17:00 ngày 5 tháng 9

3 ngày đầu  
năm

0:00 ngày 1 tháng 1 đến  
24:00 ngày 3 tháng 1

Tuần Lễ Tình Nguyên Và  
Sẵn Sàng Cho Thiên Tai

9:00 ngày 15 tháng 1 đến  
17:00 ngày 21 tháng 1

Trong quá trình trải nghiệm, miễn phí các cuộc gọi được thực hiện để ghi âm hoặc phát tin nhắn từ dịch vụ điện thoại NTT West hoặc NTT East trong thời gian xảy ra thiên tai. Nếu sử dụng dịch vụ điện thoại của nhà cung cấp khác, bao gồm dịch vụ di động hoặc PHS, vui lòng liên hệ với nhà cung cấp để biết thêm thông tin về giá cước và phí. Dịch vụ trải nghiệm có thể bị hoãn trong trường hợp có thiên tai thực sự. Phí kết nối Internet, phí sử dụng nhà cung cấp và phí liên lạc (nếu sử dụng kết nối quay số (dial-up)) có thể được tính.

## Mạng xã hội

Có thể kiểm tra mức độ an toàn của bạn bè và các thành viên trong gia đình, đồng thời thu thập và chia sẻ thông tin bằng các ứng dụng mạng xã hội như LINE và Twitter. Bạn nên theo dõi các tài khoản LINE và Twitter chính thức của Thành phố Hirakata. (Để biết thêm thông tin về cách đăng ký, hãy xem “Cách thu thập thông tin về thiên tai” ở trang 8.)

# Nơi trú ẩn ở Thành phố Hirakata

Nơi trú ẩn chính (nơi trú ẩn khẩn cấp được chỉ định và nơi trú ẩn được chỉ định)

| Số | Cơ sở/Vị trí                                                                                               | Địa chỉ                    | Điện thoại    | Fax      | Loại thiên tai |           |                |            |            |             |                      |          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------|----------|----------------|-----------|----------------|------------|------------|-------------|----------------------|----------|
|    |                                                                                                            |                            |               |          | Lũ lụt         |           |                |            |            |             | Sạt lở đất/lũ bùn đá | Động đất |
|    |                                                                                                            |                            |               |          | Sông Yodo      | Sông Kizu | Sông Funahashi | Sông Horai | Sông Amano | Sông Sagami |                      |          |
| 1  | Trường Tiểu học Kuzuha Kita                                                                                | Kuzuha-Noda 3-13-1         | 050-7102-9136 | 868-1061 | ○              | ○         | ○              |            |            |             |                      | ○        |
| 2  | Trường Tiểu học Kuzuha                                                                                     | Minami-Kuzuha 2-40-6       | 050-7102-9048 | 857-2300 | ★              | ○         | ○              |            |            |             |                      | ○        |
| 3  | Trường Tiểu học Kuzuha Nishi                                                                               | Kuzuha-Namiki 1-11-1       | 050-7102-9108 | 855-1573 | ★              |           | ★              |            |            |             |                      | ○        |
| 4  | Trường Tiểu học Kuzuha Minami                                                                              | Kuzuha-Misaki 1-25-1       | 050-7102-9096 | 857-2175 | ○              |           | ○              |            |            |             |                      | ○        |
| 5  | Trường Tiểu học Funahashi                                                                                  | Higashiyama 1-68           | 050-7102-9140 | 868-1251 | ○              |           | ★              |            |            |             |                      | ○        |
| 6  | Trường Tiểu học Makino                                                                                     | Kamijima-Higashimachi 4-18 | 050-7102-9072 | 857-2566 | ★              |           | ★              | ○          |            | ○           |                      | ○        |
| 7  | Trường Tiểu học số 2 Tonoyama                                                                              | Yabugaoka 2-7-53           | 050-7102-9044 | 857-7043 | ○              |           | ○              | ○          |            |             |                      | ○        |
| 8  | Trường Tiểu học Shodai                                                                                     | Shodai-Higashimachi 2-2-8  | 050-7102-9084 | 856-1749 | ○              |           | ○              | ○          |            |             |                      | ○        |
| 9  | Trường Tiểu học Hirano                                                                                     | Shodai-Nakamachi 1-53-1    | 050-7102-9160 | 868-7555 | ○              |           | ○              | ★          |            |             |                      | ○        |
| 10 | Đại học Nha khoa Osaka Makino Campus                                                                       | Makino-Honmachi 1-4-4      | 856-2111      | 868-5148 | ○              |           | ○              | ○          | ○          |             |                      | ○        |
| 11 | Trung tâm Học tập trọn đời Makino, Chi nhánh Makino Kita                                                   | Makino-Kitamachi 11-1      | 050-7102-3170 | 850-1761 |                |           | ○              | ○          | ○          |             |                      | ○        |
| 12 | Trường Tiểu học Nishi Makino                                                                               | Nishi-Makino 2-1-1         | 050-7102-9116 | 851-0035 | ★              |           | ○              | ★          | ★          |             |                      | ○        |
| 13 | Trường Tiểu học Ogura                                                                                      | Oguracho 29-1              | 050-7102-9092 | 857-2173 | ★              |           |                | ★          | ○          |             |                      | ○        |
| 14 | Trường Tiểu học Kohoku                                                                                     | Kohoku 2-30-5              | 050-7102-9076 | 856-1112 | ○              |           |                | ★          |            |             |                      | ○        |
| 15 | Trường Tiểu học Yamada Higashi                                                                             | Taguchi 3-16-1             | 050-7102-9152 | 849-9235 | ○              |           |                | ★          |            |             |                      | ○        |
| 16 | Nhà thi đấu Thành phố Hirakata                                                                             | Nakamiya-Oike 4-10-1       | 848-4800      | 840-4495 |                |           |                | ★          |            |             |                      | ○        |
| 17 | Trường Tiểu học số 1 Tonoyama                                                                              | Ueno 1-6-5                 | 050-7102-9040 | 847-5127 | ○              |           |                | ○          | ○          | ○           |                      | ○        |
| 18 | Trường Tiểu học Yamada                                                                                     | Kaidacho 1-27              | 050-7102-9032 | 847-5131 | ○              |           |                | ★          |            |             |                      | ○        |
| 19 | Trường Tiểu học Kin'ya                                                                                     | Nakamiya-Kitamachi 4-1     | 050-7102-9148 | 849-7751 | ○              |           |                | ○          | ○          | ○           |                      | ○        |
| 20 | Trường Tiểu học Isoshima                                                                                   | Isoshima-Kitamachi 3-1     | 050-7102-9100 | 849-2214 | ★              |           |                | ★          | ★          |             |                      | ○        |
| 21 | Trường Tiểu học Nakamiya                                                                                   | Nakamiya-Yamatocho 22-3    | 050-7102-9088 | 849-2255 | ○              |           |                | ○          | ○          | ○           |                      | ○        |
| 22 | Trường Tiểu học Meirin                                                                                     | Nakamiya-Nishinocho 10-6   | 050-7102-9036 | 847-5135 | ○              |           |                | ○          | ○          | ○           |                      | ○        |
| 23 | Trường Tiểu học Sakuraoka Kita                                                                             | Hoshigaoka 4-31-1          | 050-7102-9128 | 847-2662 |                |           |                | ○          | ○          |             |                      | ○        |
| 24 | Trường Tiểu học Sakuraoka                                                                                  | Murano-Honmachi 30-1       | 050-7102-9028 | 840-5767 |                |           |                | ○          | ○          | ○           |                      | ○        |
| 25 | Trung tâm Biểu diễn & Nghệ thuật Trực quan Hirakata Tòa nhà phụ (trước đây là Hội trường Mecenat Hirakata) | Shinmachi 2-1-5            | 843-5551      | 843-5700 | ★              |           |                | ○          | ★          |             |                      | ○        |
| 26 | Trung tâm Thanh thiếu niên Công viên Hirakata                                                              | Ikaga-Higashimachi 6-8     | 050-7102-3145 | 843-4699 | ★              |           |                |            | ★          |             |                      | ○        |
| 27 | Trường Tiểu học Hirakata                                                                                   | Hirakata-Kamincho 9-21     | 050-7102-9000 | 845-0086 | ○              |           |                | ○          | ○          | ○           |                      | ○        |
| 28 | Trường Tiểu học Hirakata số 2                                                                              | Tamiya-Honmachi 11-1       | 050-7102-9004 | 843-5125 | ○              |           |                | ○          | ★          | ○           |                      | ○        |
| 29 | Sapuri Murano                                                                                              | Murano-Nishimachi 5-1      | 805-0105      | 805-0110 |                |           |                | ★          | ★          |             |                      | ○        |
| 30 | Trường Tiểu học Yamanoue                                                                                   | Yamanoue 1-32-1            | 050-7102-9068 | 841-0369 |                |           |                | ○          | ○          | ○           |                      | ○        |
| 31 | Trường Tiểu học Kawagoshi                                                                                  | Shakusonjicho 30-1         | 050-7102-9120 | 853-6800 |                |           |                | ○          | ○          | ○           |                      | ○        |
| 32 | Trường Tiểu học Sada Higashi                                                                               | Suikoencho 30-1            | 050-7102-9124 | 846-6433 | ○              |           |                |            | ○          | ○           |                      | ○        |
| 33 | Trường Tiểu học Gojo                                                                                       | Korigaoka 6-9              | 050-7102-9020 | 854-0441 |                |           |                |            |            | ○           |                      | ○        |
| 34 | Trường Tiểu học Kaisei                                                                                     | Korigaoka 2-5              | 050-7102-9016 | 854-0410 |                |           |                |            | ○          | ○           |                      | ○        |

| Số | Cơ sở/Vị trí                             | Địa chỉ                      | Điện thoại    | Fax      | Loại thiên tai |           |           |             |            |                      |          |
|----|------------------------------------------|------------------------------|---------------|----------|----------------|-----------|-----------|-------------|------------|----------------------|----------|
|    |                                          |                              |               |          | Lũ lụt         |           |           |             |            | Sạt lở đất/lũ bùn đá | Động đất |
|    |                                          |                              |               |          | Yodo           | Sông Kizu | Funahashi | Sông Hotani | Sông Amano |                      |          |
| 35 | Trường Tiểu học Ikaga                    | Ikaga-Nishimachi 53-1        | 050-7102-9172 | 846-5066 | ★              |           |           |             | ○          |                      | ○        |
| 36 | Trường Tiểu học Sada                     | Kita-Nakaburi 2-11-21        | 050-7102-9008 | 833-6600 | ○              |           |           |             | ○          | ○                    | ○        |
| 37 | Trường Tiểu học Koyo                     | Korigaoka 11-36-1            | 050-7102-9080 | 854-7981 |                |           |           |             |            | ○                    | ○        |
| 38 | Trường Tiểu học Sada Nishi               | Deguchi 6-20-1               | 050-7102-9104 | 832-8222 | ★              |           |           |             | ○          |                      | ○        |
| 39 | Trường THCS số 2                         | Korien-Higashinocho 20-26    | 050-7102-9185 | 832-3624 | ○              |           |           |             |            | ○                    | ○        |
| 40 | Trường Tiểu học Kori                     | Korigaoka 10-5-2             | 050-7102-9012 | 854-0550 |                |           |           |             |            | ○                    | ○        |
| 41 | Trường Tiểu học Kasuga                   | Koda 2-15-10                 | 050-7102-9024 | 854-0036 |                |           |           |             |            | ○                    | ○        |
| 42 | Trường Tiểu học Higashi Kori             | Higashikori-Minamimachi 44-1 | 050-7102-9168 | 853-7222 |                |           |           |             |            |                      | ○        |
| 43 | Trường Tiểu học Nagao                    | Nagao-Kitamachi 3-3-2        | 050-7102-9164 | 851-6400 |                |           | ★         |             |            |                      | ○        |
| 44 | Trường Tiểu học Nishi Nagao              | Nagao-Nishimachi 2-45-1      | 050-7102-9176 | 850-8400 |                |           | ○         |             |            | ○                    | ○        |
| 45 | Trường Tiểu học Tanokuchiyama            | Taguchiyama 3-10-1           | 050-7102-9112 | 851-0025 |                |           |           | ○           |            | ○                    | ○        |
| 46 | Trường Tiểu học Sugahara                 | Fujisaka-Nakamachi 13-1      | 050-7102-9056 | 857-6053 |                |           |           | ○           |            |                      | ○        |
| 47 | Trường Tiểu học Sugahara Higashi         | Fujisaka-Higashimachi 3-10-1 | 050-7102-9144 | 858-2125 |                |           |           | ○           |            | ○                    | ○        |
| 48 | Trường Tiểu học Fujisaka                 | Fujisaka-Minamimachi 1-40-1  | 050-7102-9156 | 868-0565 |                |           |           | ★           |            |                      | ○        |
| 49 | Trường Tiểu học Himuro                   | Son'en-ji 3-1-38             | 050-7102-9060 | 858-8244 |                |           |           |             |            | ○                    | ○        |
| 50 | Đại học Kansai Gaidai Gakkentoshi Campus | Hotani 1-10-1                | 858-0021      | 858-3331 |                |           |           |             |            | ○                    | ○        |
| 51 | Trường Tiểu học Tsuda                    | Tsuda-Nishimachi 1-33-1      | 050-7102-9052 | 858-8034 |                |           |           | ○           |            | ○                    | ○        |
| 52 | Trường Tiểu học Tsuda Minami             | Tsuda-Nishimachi 3-10-1      | 050-7102-9132 | 859-2000 |                |           |           | ○           |            | ○                    | ○        |

○ ..Những nơi trú ẩn có thể mở (đối với lũ lụt, những nơi trú ẩn có thể mở nếu mực nước dâng tại (các) sông được chỉ định)

★ ..Những nơi trú ẩn nằm trong vùng lũ lụt dự kiến nhưng có thể chứa những người sơ tán trong trường hợp khẩn cấp, chẳng hạn như nếu họ sơ tán muộn, trong một tòa nhà cao ít nhất 3 tầng

■ Trường THCS Kuzuha có thể mở cửa nếu mực nước sông Yodo dâng cao.

■ Các quyết định về việc có mở nơi trú ẩn do mực nước dâng ở sông Toda, sông Kita và sông Mae hay không sẽ tính đến mực nước ở sông Amano (nơi trú ẩn mục tiêu cũng giống như nơi trú ẩn của sông Amano trong danh sách).

## Nơi trú ẩn phụ

| Số | Cơ sở                       | Địa chỉ                    | Điện thoại    | Fax      |
|----|-----------------------------|----------------------------|---------------|----------|
| 1  | Trường THCS Kuzuha          | Kuzuhaoka 2-12-1           | 050-7102-9220 | 855-1566 |
| 2  | Trường THCS Kuzuha Nishi    | Nishi-Funahashi 2-43-1     | 050-7102-9225 | 850-3404 |
| 3  | Trường THCS Shodai Kita     | Shodai-Kitamachi 2-35-1    | 050-7102-9265 | 867-1911 |
| 4  | Trường THCS số 3            | Yabu-Higashimachi 1-5      | 050-7102-9190 | 857-7331 |
| 5  | Trường THCS Shodai          | Shodai-Higashimachi 2-1-12 | 050-7102-9215 | 855-5593 |
| 6  | Trường THCS Yamada          | Kohoku 2-28-1              | 050-7102-9245 | 848-7814 |
| 7  | Trường THCS Nagisa Nishi    | Nagisanishi 3-25-1         | 050-7102-9250 | 847-8603 |
| 8  | Trường THCS số 1            | Nagisa-Higashimachi 2-1    | 050-7102-9180 | 840-2084 |
| 9  | Trường THCS Nakamiya        | Doyama 1-2-6               | 050-7102-9210 | 848-8288 |
| 10 | Trường THCS Sakuragoka      | Sakuragokacho 65-1         | 050-7102-9255 | 848-4830 |
| 11 | Trường THCS Hirakata        | Nishi-Tamiyacho 19-1       | 050-7102-9205 | 843-8550 |
| 12 | Trường THCS số 4            | Korigaoka 5-3-2            | 050-7102-9195 | 854-0865 |
| 13 | Trường THCS Sada            | Deguchi 5-40-1             | 050-7102-9260 | 833-7015 |
| 14 | Trường THPT Thành phố Osaka | Kita-Nakaburi 2-8-1        | 833-0101      | 834-9304 |
| 15 | Trường THCS Higashi Kori    | Higashikori 3-37-1         | 050-7102-9230 | 853-7877 |
| 16 | Trường THCS Nagao           | Nagao-Kitamachi 3-3-1      | 050-7102-9235 | 868-1071 |
| 17 | Trường THCS Nagao Nishi     | Nagao-Tanimachi 1-73-1     | 050-7102-9270 | 855-6755 |
| 18 | Trường THCS Sugi            | Sugi 4-1-1                 | 050-7102-9240 | 858-8985 |
| 19 | Trường THCS Tsuda           | Tsuda-Kitamachi 1-32-1     | 050-7102-9200 | 858-8132 |

Các nơi trú ẩn phụ sẽ được mở trong trường hợp xảy ra thiên tai quy mô lớn nếu các nơi trú ẩn chính không dùng được do bị hư hại hoặc trong trường hợp không đủ chỗ trú ẩn.

\*Trường THCS Kuzuha được chỉ định làm nơi trú ẩn khẩn cấp.

## Nơi trú ẩn phúc lợi

| Cơ sở                                                                              | Địa chỉ, điện thoại và fax                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Sogo Fukushi Kaikan [Phòng Phúc lợi tổng hợp] (Rapport Hirakata)                   | Shinmachi 2-1-35<br>Điện thoại: 845-1602<br>Fax: 843-3320          |
| Trung tâm Phúc lợi tổng hợp Thành phố Hirakata (Trung tâm Phúc lợi Người cao tuổi) | Tsuda-Higashimachi 2-26-1<br>Điện thoại: 858-5835<br>Fax: 859-5479 |

Những nơi trú ẩn như phòng tập thể dục của trường tiểu học (nơi trú ẩn chính) có thể mở hoặc không vì chúng được thiết kế để sử dụng cho những cá nhân cần chăm sóc và hỗ trợ đặc biệt.

\*Xem trang web của Thành phố Hirakata để biết thêm thông tin về các nơi trú ẩn phúc lợi khác.

## Nơi trú ẩn trên diện rộng

| Địa điểm            | Văn phòng quản lý, điện thoại và fax                                                         |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công viên Yamadaike | Văn phòng Công viên Yamadaike<br>Điện thoại: 851-4761<br>Fax: 851-4762                       |
| Lòng sông Yodo      | Cục Phát triển khu vực Kinki<br>Văn phòng Sông Yodo<br>Điện thoại: 843-2861<br>Fax: 843-2674 |

Các khu vực sơ tán để sử dụng trong trường hợp có hỏa hoạn quy mô lớn trong khi xảy ra thiên tai



## Thông tin chung

# Hạn chế giao thông trong trường hợp xảy ra thiên tai: Các tuyến đường Giao thông Khẩn cấp

## — Chú giải —

**Các số màu xanh:** Vị trí của các **nơi trú ẩn chính** (Xem trang 36 và 37 để biết thêm chi tiết.)

**Các số màu đỏ:** Vị trí của các **nơi trú ẩn phụ** (Xem trang 37 để biết thêm chi tiết.)

**□** : Vị trí của các nơi trú ẩn trên diện rộng (Xem trang 37 để biết thêm chi tiết.)

**—** : Các tuyến đường giao thông khẩn cấp \*Các số quốc lộ được biểu thị bằng các ký hiệu.

### Danh sách nơi trú ẩn tạm thời

**□** Nơi trú ẩn tạm thời: Công viên thành phố, sân thể thao của trường tiểu học và các địa điểm khác có diện tích ít nhất là 1 ha (Xem bảng các nơi trú ẩn ở trang 36 và 37 để biết thêm thông tin về các sân thể thao của trường tiểu học.)

| Cơ sở                                                            | Địa chỉ                    |
|------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| Shimin-no-Mori [Công viên] (Không gian xanh Kyoden'ike Ryokuchi) | Kuzuhaoka 2, Kuzuha-Noda 2 |
| Công viên Kuzuha Higashi                                         | Kuzuha-Asahi 3             |
| Công viên Kuzuha Chuo                                            | Kuzuha-Namiki 2            |
| Công viên Nakanoike                                              | Higashiyama 2              |
| Công viên Wani                                                   | Công viên Wani             |
| Công viên Makino                                                 | Makinosaka 2, Uyamacho     |
| Công viên Sakaimaie                                              | Koganeno 1                 |
| Công viên Doyama                                                 | Doyama 2                   |
| Công viên Korigaoka Chuo                                         | Korigaoka 4                |
| Công viên Korigaoka Higashi                                      | Korigaoka 3                |
| Công viên Korigaoka Minami                                       | Korigaoka 10               |
| Công viên Kitayama                                               | Kitayama 1                 |
| Công viên Kuniminooka                                            | Tsuda-Yamate 1             |
| Công viên Kurumazuka                                             | Kurumazuka 1 và 2          |
| Công viên Kudara-ato                                             | Nakamiya-Nishinocho        |
| Công viên Kohoku                                                 | Kohoku 4                   |
| Công viên Soraminooka                                            | Tsuda-Yamate 2             |

○Nhìn chung, những người sơ tán nên đi bộ đến các nơi trú ẩn. Vui lòng tránh di chuyển bằng ô tô.

○Các tuyến đường giao thông khẩn cấp được xác định khi các nhà quản lý giao thông (Ủy Ban An Toàn Công Cộng) chỉ định các tuyến đường và khoảng thời gian cấm hoặc hạn chế việc đi lại của các phương tiện thông thường để tạo điều kiện thực hiện chính xác và suôn sẻ các biện pháp khẩn cấp ứng phó với thiên tai theo Điều 76 Đoạn 1 của Đạo Luật Cơ Bản Về Quản Lý Thiên Tai.

**Sogo Fukushi Kaikan**  
[Phòng Phúc lợi tổng hợp]  
(Rapport Hirakata)  
総合福祉会館  
(ラポールひらかた)

